CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2025

CTCP Phát triển Hạ tầng Vĩnh Phúc

Ngày 31/03/2025	34,300 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	5.3%	**3.1%**	**9.9%**

DT thuần
Q1/25
24.6
tỷ VNĐ
QoQ: ▼2.20| -8.3%
YoY: ▼14.4| -37.0%

LN thuần
Q1/25
14.8
tỷ VNĐ
QoQ: ▼13.7| -48.2%
YoY: ▼24.1| -62.1%

LN sau thuế
Q1/25
12.9
tỷ VNĐ
QoQ: ▼10.8| -45.4%
YoY: ▼20.0| -60.6%

Tỷ suất lãi EBIT
Q1/25
62.2%
YoY: +/-▼ 50.1%

ROE (TTM)
Q1/25
12.6%
YoY: +/-▼ 2.5%

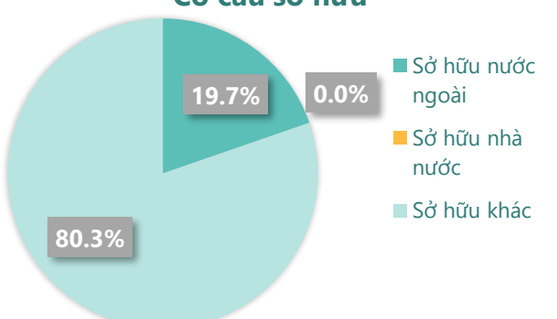
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	29,858 - 35,000
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,414
Số lượng CPLH (CP)	41,236,777
KLGD BQ 20 phiên (CP)	35,330
Sở hữu nước ngoài	19.7%
Beta	
EPS	2,560
P/E	13.4

DT thuần
2024
120
tỷ VNĐ
YoY: ▼38.0| -24.3%

LN thuần
2024
133
tỷ VNĐ
YoY: ▼44.0| -24.9%

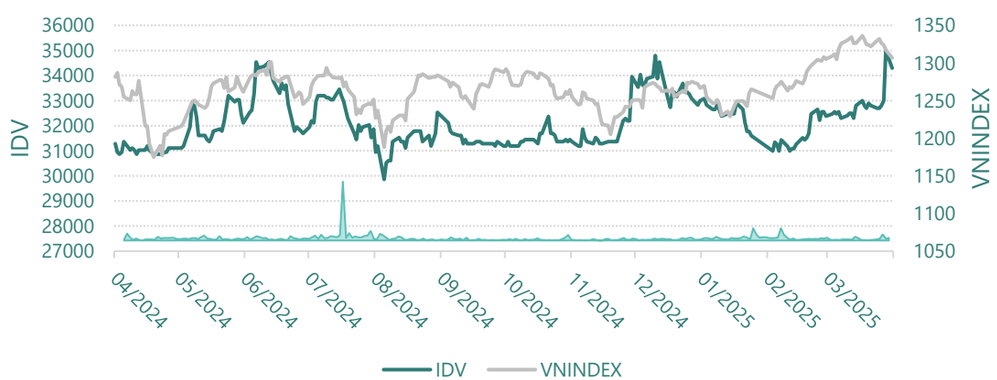
LN sau thuế
2024
126
tỷ VNĐ
YoY: ▼35.0| -21.7%

Cơ cấu sở hữu

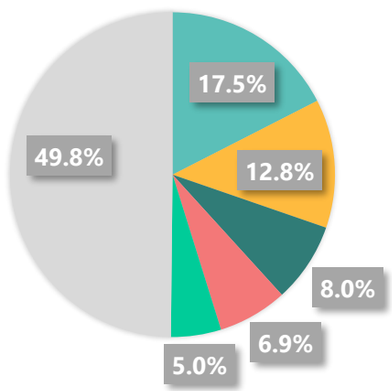


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

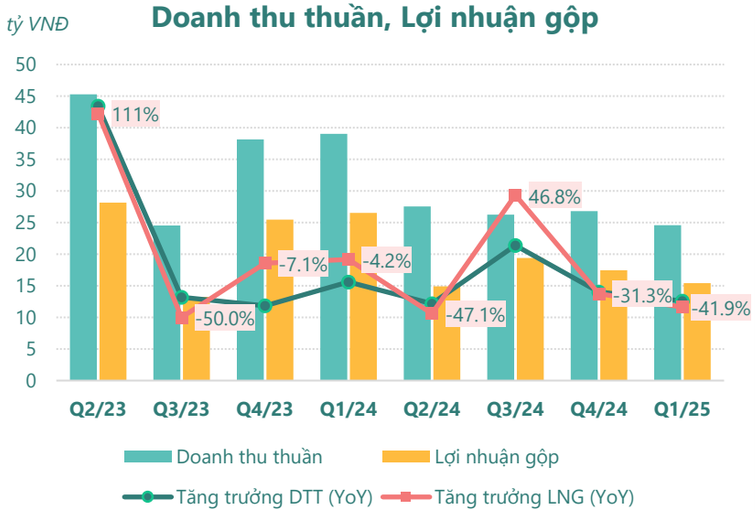


- American LLC
- Hoàng Đình Thắng (Chủ tịch HĐQT)
- Trịnh Việt Dũng (Phó Chủ tịch HĐQT)
- Nguyễn Thị Kiến
- Văn Phụng Hà
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

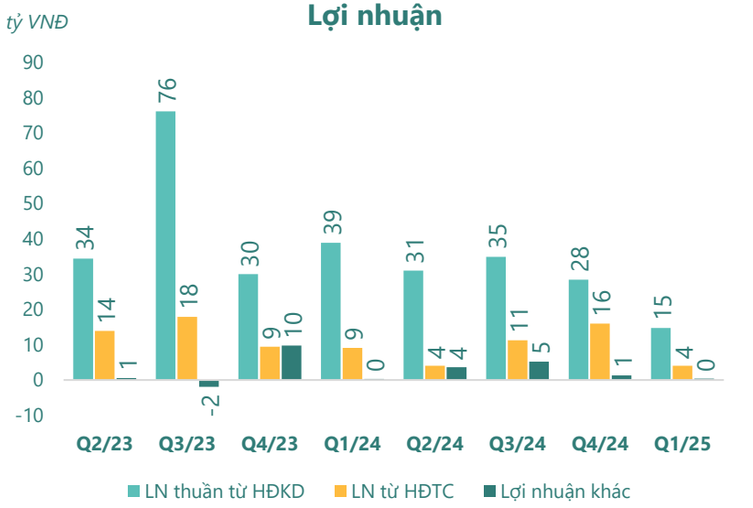
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



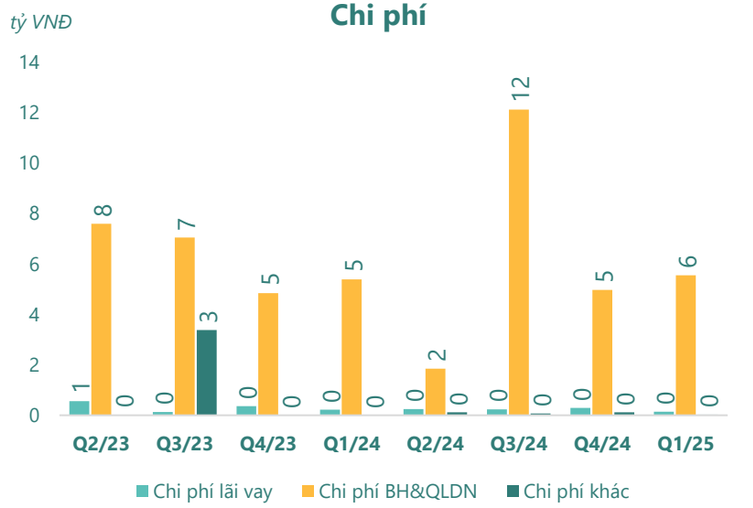
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



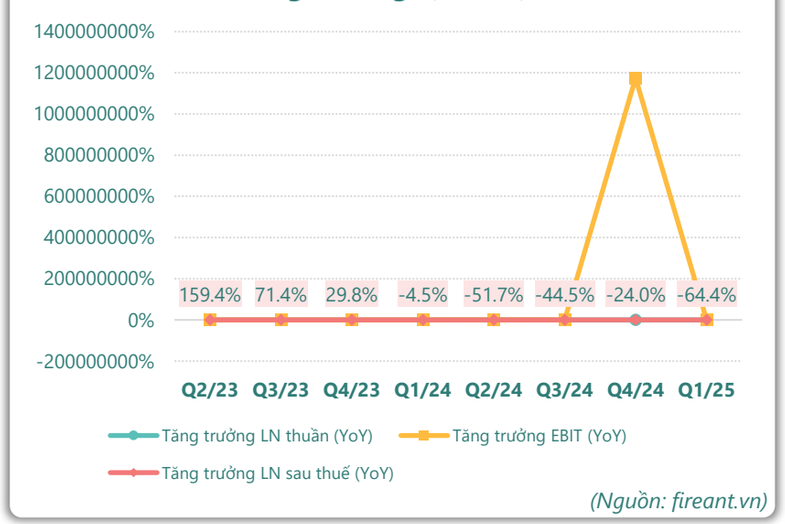
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



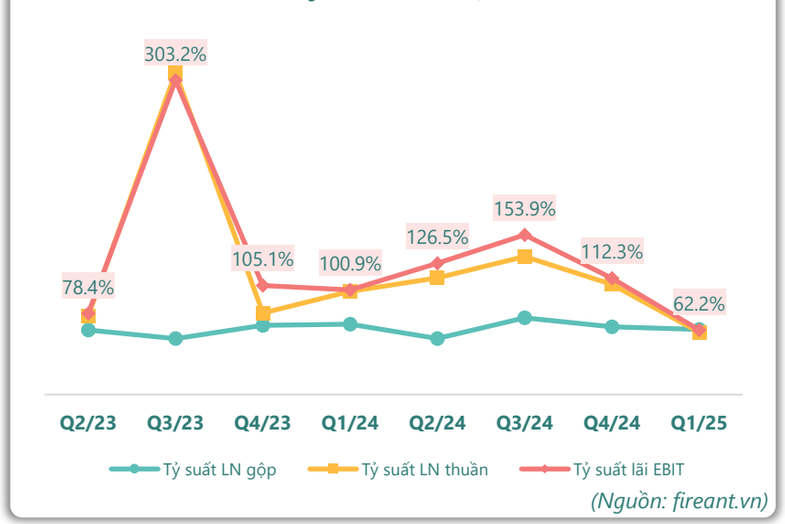
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



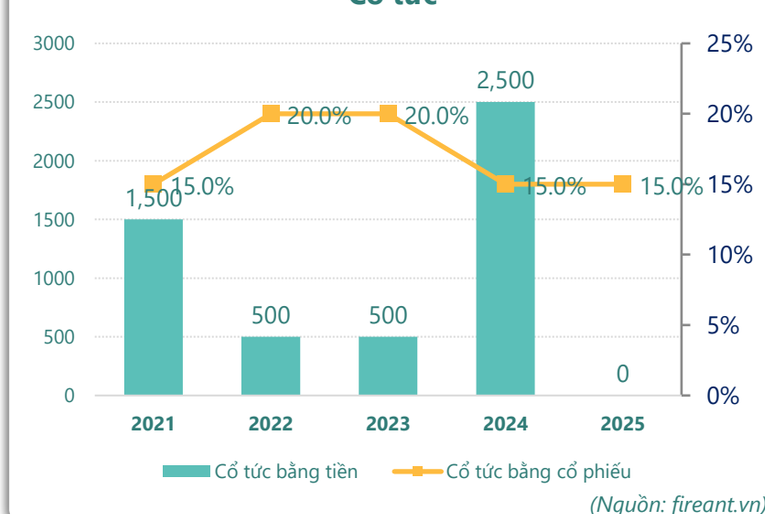
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

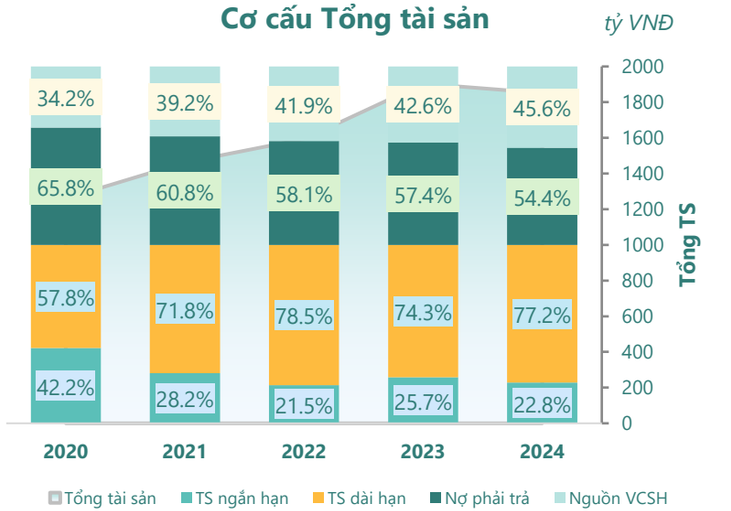
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

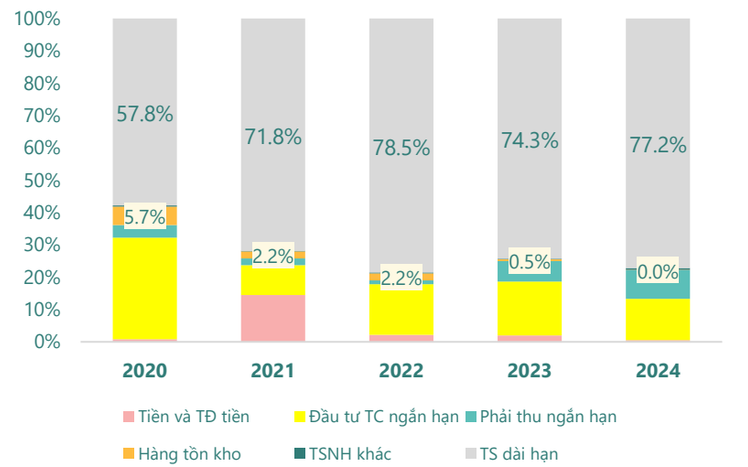
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



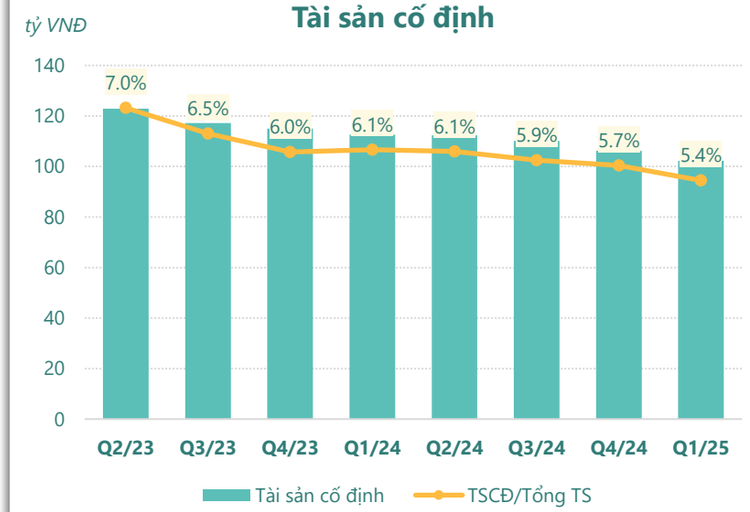
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



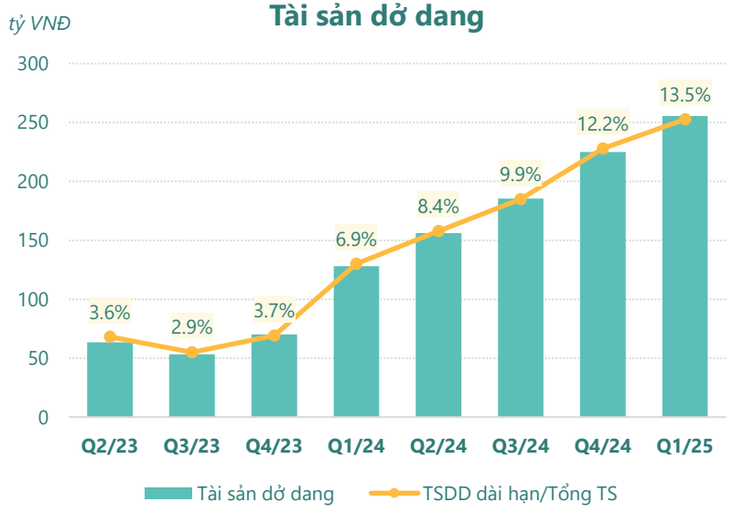
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



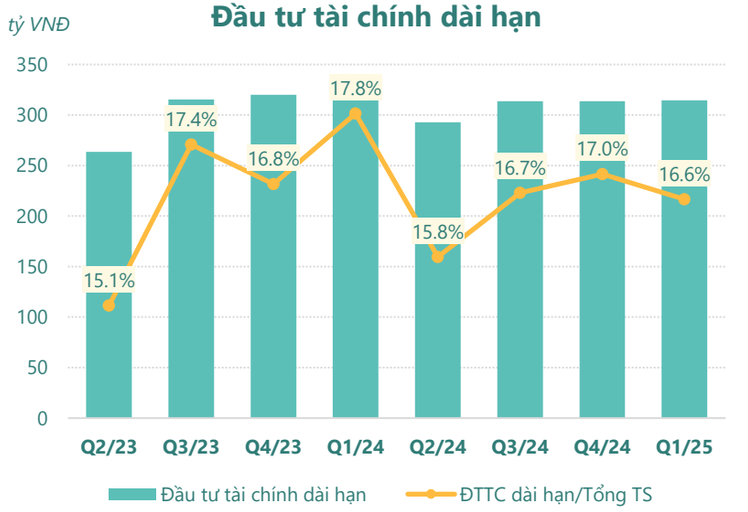
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



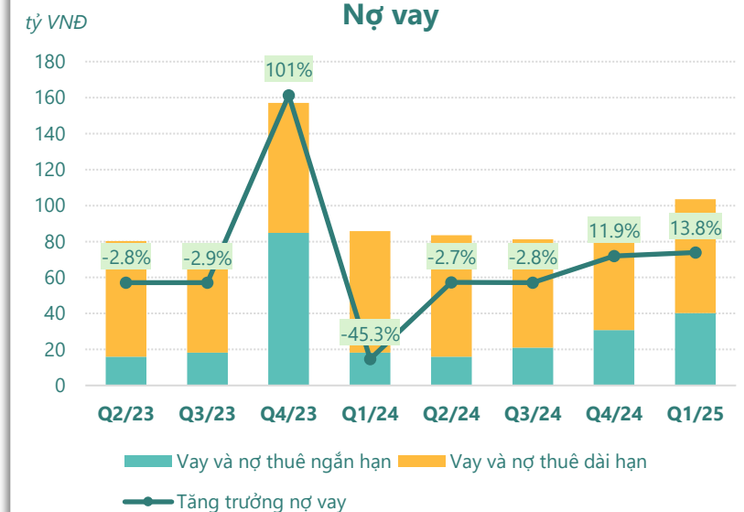
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

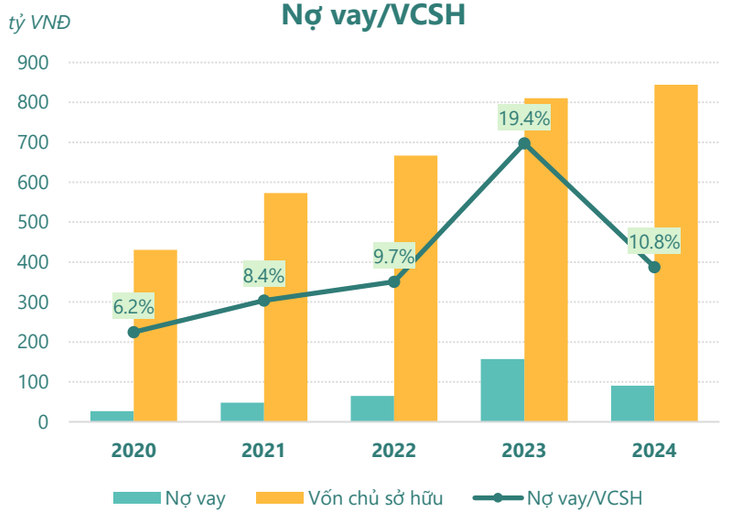
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

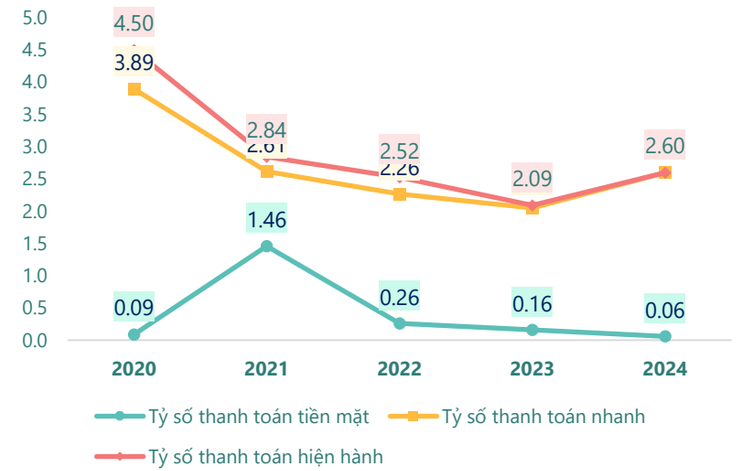
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



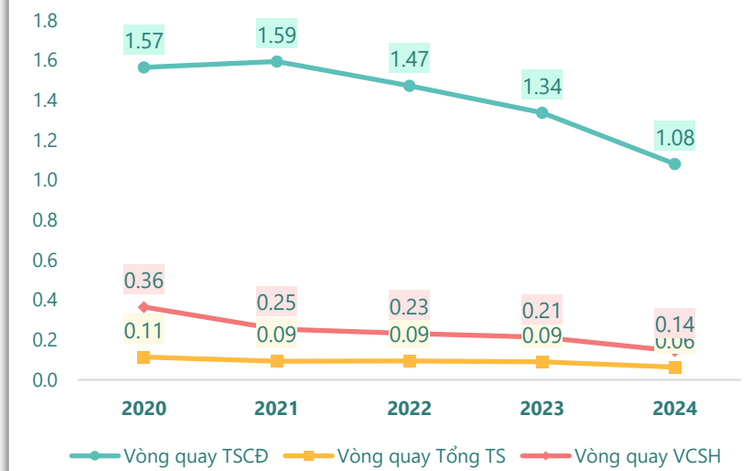
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



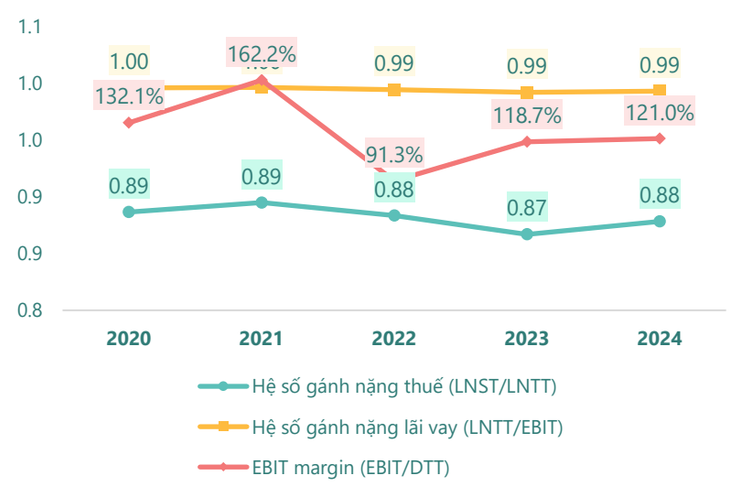
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



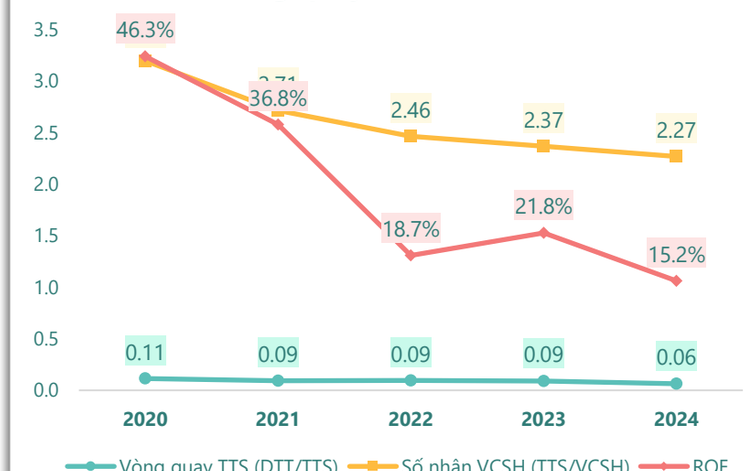
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



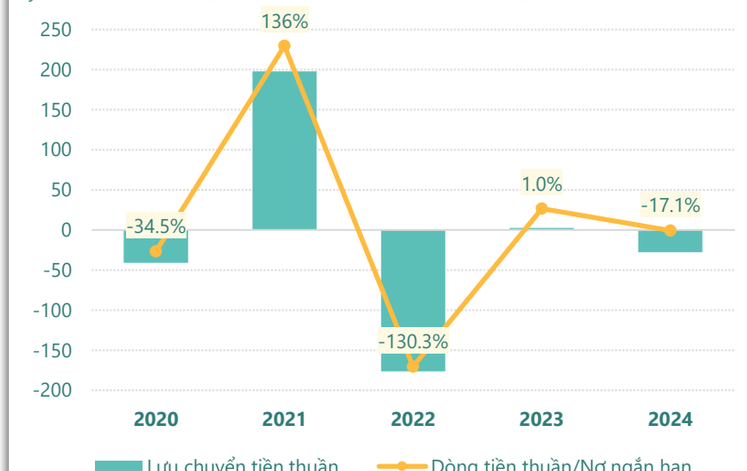
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q1/25	Q1/24	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**24.6**	**39.0**	**-37.0%**	**120**	**158**	**-24.3%**
Giá vốn hàng bán	9.17	12.5	-26.6%	41.3	63.5	-35.0%
Lợi nhuận gộp	15.4	26.5	-41.9%	78.3	94.5	-17.1%
Doanh thu HĐTC	3.43	9.03	-62.0%	42.3	55.1	-23.2%
Chi phí TC	-0.63	-0.06	-945%	1.89	2.66	-28.8%
Chi phí lãi vay	0.14	0.22	-35.0%	1.00	1.50	-33.4%
LN trong công ty LKLD	**0.84**	**8.63**	**-90.2%**	**38.9**	**54.9**	**-29.1%**
Chi phí bán hàng	0.08	0.31	-73.6%	0.58	1.77	-67.3%
Chi phí QLDN	**5.48**	**5.08**	**7.8%**	**23.8**	**22.6**	**5.2%**
LN thuần từ HĐKD	14.8	38.9	-62.1%	133	177	-24.9%
Lợi nhuận khác	**0.40**	**0.28**	**43.7%**	**10.4**	**8.61**	**20.8%**
LN trước thuế	15.2	39.1	-61.2%	144	186	-22.8%
Lợi nhuận sau thuế	**12.9**	**32.9**	**-60.6%**	**126**	**161**	**-21.7%**
LNST của CĐ cty mẹ	**12.9**	**32.9**	**-60.7%**	**126**	**161**	**-22.2%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-139	18.8	104	-39.7	0.72	83.0
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	96.3	142	-149	51.3	-4.57	-79.7
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	63.4	-102	-5.54	0.87	-44.1	12.6
Tiền đầu kỳ	16.0	37.2	95.9	45.0	57.4	9.42
Lưu chuyển tiền thuần	**21.2**	**58.7**	**-50.9**	**12.4**	**-48.0**	**15.9**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0.00	0	0
Tiền cuối kỳ	37.2	95.9	45.0	57.4	9.42	25.3

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**1,895**	**1,850**	**2.4%**
Tài sản ngắn hạn	441	421	4.5%
Tiền và tương đương tiền	25.3	9.42	169%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	211	238	-11.4%
Phải thu ngắn hạn	185	164	13.0%
Hàng tồn kho	0.13	0.55	-76.7%
Tài sản ngắn hạn khác	19.4	10.0	93.8%
Tài sản dài hạn	**1,455**	**1,429**	**1.8%**
Phải thu dài hạn	597	597	0.0%
Tài sản cố định	102	106	-3.7%
Bất động sản đầu tư	22.8	23.3	-1.9%
Tài sản dở dang	255	225	13.5%
Đầu tư tài chính dài hạn	314	314	0.2%
Tài sản dài hạn khác	**162**	**164**	**-0.8%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,038	1,006	3.1%
Nợ ngắn hạn	**198**	**162**	**22.0%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	40.3	30.8	30.9%
Phải trả người bán ngắn hạn	4.78	6.72	-28.9%
Nợ dài hạn	840	844	-0.5%
Vay và nợ thuê dài hạn	63.2	60.1	5.1%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**857**	**844**	**1.5%**
Vốn chủ sở hữu	**857**	**844**	**1.5%**
Vốn điều lệ	412	359	15.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)